

Số: 162/TM-YHB  
V/v mời báo giá mua sắm thuốc  
bổ sung năm 2025

Hải Phòng, ngày 24 tháng 4 năm 2025

## THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các Công ty sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh dược phẩm tại Việt Nam

Viện Y học biển có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu Mua sắm thuốc bổ sung năm 2025 của Viện Y học biển, với nội dung cụ thể như sau:

### I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Viện Y học biển  
Số 21 đường Võ Nguyên Giáp, phường Kênh Dương, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
  - Bà Trần Thị Thu Trang - Phó trưởng khoa Dược
  - Điện thoại: 0982.276559 hoặc 0225.3519687 (nhánh 411)
  - Email: khoaduoc@vinimam.org.vn
- Cách thức tiếp nhận báo giá:
  - Nhận văn bản giấy trực tiếp tại địa chỉ: Văn thư, Viện Y học biển
  - Hoặc nhận văn bản giấy trực tiếp tại địa chỉ: Khoa Dược, Viện Y học biển (Kèm file điện tử qua email: khoaduoc@vinimam.org.vn)
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08 giờ 00 phút ngày 24 tháng 4 năm 2025 đến trước 17 giờ 00 phút ngày 07 tháng 5 năm 2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 180 ngày kể từ ngày báo giá.

### II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục hàng hoá yêu cầu báo giá: *Chi tiết tại Phụ lục 1 đính kèm.*

Lưu ý: Báo giá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có), chi phí vận chuyển. Bên mua không phải trả bất kỳ một chi phí nào thêm.

- Địa điểm giao hàng: Khoa Dược- Viện Y học biển.

Địa chỉ: Số 21 đường Võ Nguyên Giáp, phường Kênh Dương, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

- Thời gian giao hàng dự kiến: Phù hợp với các điều khoản trong Kế hoạch lựa chọn nhà thầu và thời gian thực hiện hợp đồng.

4. Các yêu cầu khác (nếu có):

Nhà cung cấp báo giá xin gửi kèm theo: Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu đối với hàng hóa chào giá trong vòng 12 tháng liền trước đã được đăng tải trên hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia.

Trân trọng cảm ơn!

**Nơi nhận:**

- Website của Viện Y học biển (để công khai);
- Lưu: VT, TCKT, KD.



**PGS.TS.BS Trần Thị Quỳnh Chi**



## PHỤ LỤC 1. DANH MỤC HÀNG HOÁ

(Kèm theo Công văn số 162 /TM-YHB ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Viện Y học biển)

Stt	Hoạt chất	Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Phân nhóm kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
1	Acetyl leucin	1000mg	Tiêm	Dung dịch tiêm	4	Túi/Bình/Chai /Lọ/Ống	10,000
2	Acetylcystein	200mg	Uống	Viên nang cứng	4	Viên	6,600
3	Acetylcystein	2000mg	Tiêm truyền	Dung dịch đậm đặc để pha tiêm truyền	4	Túi/Bình/Chai /Lọ/Ống	20
4	Acetylleucin	500mg	Uống	Viên nén	1	Viên	4,500
5	Acetylsalicylic acid	100mg	Uống	Viên bao tan trong ruột	4	Viên	60,000
6	Aciclovir	800mg	Uống	Viên nén	1	Viên	1,000
7	Acid ascorbic	500mg	Uống	Viên nang cứng	2	Viên	6,000
8	Alpha chymotrypsin	4,2mg	Uống	Viên nén	4	Viên	10,000
9	Amiodaron hydroclorid	150mg	Tiêm	Dung dịch tiêm	4	Túi/Bình/Chai /Lọ/Ống	50
10	Amiodaron hydroclorid	200 mg	Uống	Viên nén	1, BDG	Viên	1,200
11	Amlodipine (dưới dạng amlodipine besilate)	5mg	Uống	Viên nang cứng	1, BDG	Viên	7,800
12	Amoxicillin ( dưới dạng Amoxicillin trihydrate); Acid clavulanic (dưới dạng Kali clavulanate)	250mg+31,2 5mg	Uống	Bột pha hỗn dịch uống	1, BDG	Gói	360
13	Amoxicillin (Dưới dạng Amoxicillin trihydrate); Acid Clavulanic (Dưới dạng clavulanat potassium)	875 mg + 125mg	Uống	Viên nén bao phim	1, BDG	Viên	3,640
14	Atenolol	50mg	Uống	Viên nén	4	Viên	33,000
15	Atorvastatin (dưới dạng Atorvastatin hemicalci. 1,5H <sub>2</sub> O)	10mg	Uống	Viên nén bao phim	1, BDG	Viên	2,730
16	Attapulgit mormoiron hoạt hoá + hỗn hợp magnesi carbonat và nhôm hydroxyd	2500mg + 500mg	Uống	Bột pha hỗn dịch uống	4	Gói	48,000
17	Azithromycin (dưới dạng Azithromycin dihydrat)	200mg/5ml	Uống	Bột pha hỗn dịch uống	1, BDG	Túi/Bình/Chai /Lọ/Ống	60
18	Azithromycin (dưới dạng Azithromycin dihydrat)	500mg	Uống	Viên nén bao phim	1, BDG	Viên	50
19	Bambuterol hydroclorid	20mg	Uống	Viên nén bao phim	4	Viên	780

Stt	Hoạt chất	Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Phân nhóm kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
20	Beclometason dipropionat	50mcg/ liều-150 liều	Xịt mũi	Hỗn dịch xịt mũi	4	Túi/Bình/Chai /Lọ/Ống	100
21	Betahistin dihydrochlorid	24mg	Uống	Viên nén	1	Viên	7,000
22	Betamethason dipropionat + Acid salicylic	(9,6mg + 0,45g) /15g	Dùng ngoài	Thuốc mỡ bôi da	4	Tuýp	40
23	Bisoprolol fumarate	3,75mg	Uống	Viên nén bao phim	4	Viên	50,000
24	Bisoprolol fumarate	5mg	Uống	Viên nén bao phim	1, BDG	Viên	300
25	Budesonid	0,5mg	Hít qua máy khí dung	Hỗn dịch dùng cho khí dung	4	Túi/Bình/Chai /Lọ/Ống	12,000
26	Budesonide	64mcg/0,05 ml	Xịt mũi	Hỗn dịch xịt mũi	4	Túi/Bình/Chai /Lọ/Ống	120
27	Calci carbonat + Vitamin D3	750mg + 200IU	Uống	Viên nén bao phim	4	Viên	22,200
28	Calci clorid (dihidrat)	500mg/ 5ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	4	Túi/Bình/Chai /Lọ/Ống	350
29	Choline alfoscerat	1000mg/4ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	1	Túi/Bình/Chai /Lọ/Ống	100
30	Cinnarizin	25mg	Uống	Viên nén	1	Viên	20,000
31	Ciprofloxacin	200mg/100ml	Truyền tĩnh mạch	Dịch truyền	1, BDG	Túi/Bình/Chai /Lọ/Ống	800
32	Ciprofloxacin (dưới dạng Ciprofloxacin HCL) 200mg/100ml	2mg/ml x 100ml	Tiêm/Tiêm truyền	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	4	Túi/Bình/Chai /Lọ/Ống	10,000
33	Clindamycin	600mg/ 4ml	Tiêm bắp hoặc truyền tĩnh mạch sau khi pha loãng	Dung dịch tiêm	1	Túi/Bình/Chai /Lọ/Ống	250
34	Clopidogrel	75mg	Uống	Viên nén bao phim	2	Viên	10,020
35	Clopidogrel (dưới dạng Clopidogrel bisulfat) + Acid acetylsalicylic	75mg + 100mg	Uống	Viên nén bao phim	2	Viên	3,300
36	Clotrimazol	150mg/15g	Dùng ngoài	Kem bôi da	4	Tuýp	50
37	Cyanocobalamin	1000mcg/ml	Tiêm	Dung dịch thuốc tiêm	4	Túi/Bình/Chai /Lọ/Ống	400
38	Dextrose	20%-500ml	Tiêm truyền	Dung dịch tiêm truyền	4	Túi/Bình/Chai /Lọ/Ống	100
39	Diocahedral smectite	3000mg	Uống	Hỗn dịch uống	2	Gói	2,500

Stt	Hoạt chất	Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Phân nhóm kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
40	Diosmin + hesperidin	900mg + 100mg	Uống	Viên nén bao phim	2	Viên	10,000
41	Diosmin + Hesperidin	450mg; 50mg	Uống	Viên nén bao phim	1, BDG	Viên	3,000
42	Drotaverin (clohydrat) (hydrochlorid)	40mg	Uống	Viên nén	3	Viên	5,000
43	Dydrogesterone	10mg	Uống	Viên nén bao phim	1, BDG	Viên	320
44	Enoxaparin Natri	6000 anti-Xa IU/0,6ml tương đương 60mg/0,6ml	Tiêm dưới da	Dung dịch tiêm đóng sẵn trong bơm tiêm	1, BDG	Bơm tiêm	260
45	Enoxaparin Natri	4000 anti-Xa IU/0,4ml tương đương 40mg/0,4ml	Tiêm dưới da	Dung dịch tiêm đóng sẵn trong bơm tiêm	1, BDG	Bơm tiêm	260
46	Esomeprazol (dưới dạng Esomeprazol magie trihydrat)	40mg	Uống	Viên nén kháng dịch dạ dày	1, BDG	Viên	910
47	Etoricoxib	120mg	Uống	Viên nén bao phim	1, BDG	Viên	780
48	Fenofibrat	300mg	Uống	Viên nang cứng	2	Viên	18,000
49	Fenofibrate	200mg	Uống	Viên nang cứng	1, BDG	Viên	3,900
50	Flunarizin (dưới dạng Flunarizin dihydrochlorid)	5mg	Uống	Viên nang cứng	2	Viên	7,500
51	Fluticasone propionate; Salmeterol xinafoate	Fluticasone propionate 50mcg; Salmeterol 25mcg/liều	Hít qua đường miệng	Thuốc phun mù hệ hỗn dịch để hít qua đường miệng	1, BDG	Túi/Bình/Chai /Lọ/Ống	30
52	Furosemide	40mg	Uống	Viên nén	1	Viên	4,800
53	Gabapentin	600mg	Uống	Viên nén bao phim	4	Viên	3,000
54	Gliclazid	30mg	Uống	Viên nén phóng thích kéo dài	3	Viên	150,000
55	Glucosamin sulfat (dưới dạng glucosamin sulfat natri clorid tương đương với 393 mg Glucosamin)	500mg	Uống	Viên nén sủi bọt	4	Viên	13,000
56	Glycerol	6,75g	Thụt trực tràng	Gel thụt trực tràng	4	Tuýp	1,200
57	Hydroxypropylmethylcellulose	30mg/10ml - Lọ 15ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	4	Túi/Bình/Chai /Lọ/Ống	100

Stt	Hoạt chất	Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Phân nhóm kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
58	Hyoscin butylbromid	40mg	Tiêm	Dung dịch tiêm	4	Túi/Bình/Chai /Lọ/Ống	4,000
59	Indapamide 1,5mg + Amlodipine (dưới dạng Amlodipine besilate) 5mg	1,5mg; 5mg	Uống	Viên nén giải phóng kiểm soát	1	Viên	690
60	Insulin glargine	100 đơn vị/ 1ml	Tiêm dưới da	Dung dịch tiêm trong bút tiêm nạp sẵn	1, BDG	Bút tiêm	100
61	Insulin Human (rDNA) (isophane insulin crystals) + Insulin Human (rDNA) (soluble fraction)	(700IU + 300IU)/10ml	Tiêm	Hỗn dịch tiêm	1	Túi/Bình/Chai /Lọ/Ống	2,000
62	Insulin người tác dụng trung bình, trung gian	1000 IU	Tiêm	Hỗn dịch tiêm	1	Túi/Bình/Chai /Lọ/Ống	3,000
63	Iodine (dưới dạng Iobitridol 65,81g/100ml)	Iodine 30g/100ml; lọ 50ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	1, BDG	Túi/Bình/Chai /Lọ/Ống	750
64	Iohexol	647mg/ml tương đương Iod 300mg/ml; lọ 100ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	1, BDG	Túi/Bình/Chai /Lọ/Ống	600
65	Kali clorid	1g/10ml	Tiêm	Dung dịch tiêm truyền	4	Túi/Bình/Chai /Lọ/Ống	1,000
66	Lactulose	10g/15ml	Uống	Dung dịch uống	1	Gói	4,000
67	Levobupivacain	50mg	Tiêm	Dung dịch tiêm	4	Túi/Bình/Chai /Lọ/Ống	80
68	Levodopa + Carbidopa (dưới dạng carbidopa anhydrous)	250 mg + 26,855 mg (dưới dạng Carbidopa anhydrous 25mg)	Uống	Viên nén	5	Viên	8,000
69	Levofloxacin	5mg/ml, 10ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	4	Túi/Bình/Chai /Lọ/Ống	250
70	Levothyroxin ( muối natri)	100mcg	Uống	Viên nén	4	Viên	3,500
71	Lidocain	200mg	Tiêm	Dung dịch tiêm	4	Túi/Bình/Chai /Lọ/Ống	200
72	Lisinopril	10mg	Uống	Viên nén	1, BDG	Viên	1,400
73	Lisinopril	5mg	Uống	Viên nén	1, BDG	Viên	2,800
74	Magnesi aspartat + Kali aspartat	140mg + 158mg	uống	Viên nén bao phim	4	Viên	30,000
75	Magnesi sulfat	1,5g/10ml	Tiêm hoặc truyền tĩnh mạch	Dung dịch tiêm	4	Túi/Bình/Chai /Lọ/Ống	200

Stt	Hoạt chất	Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Phân nhóm kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
76	Men Saccharomyces boulardii	2,5x10 <sup>9</sup> tế bào/250mg	Uống	Viên nang cứng	1	Viên	800
77	Metformin hydrochlorid	850mg	Uống	Viên nén bao phim	1	Viên	300,000
78	Metformin hydrochlorid	500mg	Uống	Viên nén bao phim	1, BDG	Viên	12,000
79	Metformin hydrochloride + Glimepirid	500mg + 2mg	Uống	Viên nén bao phim giải phóng kéo dài	4	Viên	48,000
80	Methyl ergometrin maleat	0,2mg/1ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	4	Túi/Bình/Chai /Lọ/Ống	400
81	Methyl prednisolon	40mg	Tiêm	Bột đông khô pha tiêm	2	Túi/Bình/Chai /Lọ/Ống	2,500
82	Methyl prednisolon	4mg	Uống	Viên nén	3	Viên	18,000
83	Methyldopa	250mg	Uống	Viên nén bao phim	4	Viên	200,000
84	Methyldopa	500mg	uống	Viên nén bao phim	4	Viên	76,000
85	Methylprednisolon	16mg	uống	viên nén	2	viên	6,000
86	Metocloamid HCl	10mg/2ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	4	Túi/Bình/Chai /Lọ/Ống	4,500
87	Metoprolol succinat	Metoprolol succinat 23,75mg (tương đương với Metoprolol tartrate 25mg)	Uống	Viên nén phóng thích kéo dài	1, BDG	Viên	910
88	Metoprolol succinat	Metoprolol succinat 47,5mg (tương đương với Metoprolol tartrate 50mg)	Uống	Viên nén phóng thích kéo dài	1, BDG	Viên	3,460
89	Misoprostol	200 mcg	Uống	Viên nén	4	Viên	300
90	Mỗi liều hít chứa: Salmeterol (dưới dạng Salmeterol xinafoate) 50mcg; Fluticason propionat 250mcg	50mcg; 250mcg	Hít qua đường miệng	Bột hít phân liều	1, BDG	Túi/Bình/Chai /Lọ/Ống	130

Stt	Hoạt chất	Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Phân nhóm kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
91	Mỗi liều xịt chứa: 25mcg Salmeterol (dạng xinafoate micronised) và 125mcg Fluticasone propionate (dạng micronised)	25mcg; 125mcg	Hít qua đường miệng	Hỗn dịch hít qua đường miệng (dạng phun sương)	1, BDG	Túi/Bình/Chai /Lọ/Ổng	50
92	Mỗi liều xịt chứa: Salmeterol (dưới dạng salmeterol xinafoate micronised); Fluticasone propionate (dạng micronised)	25mcg + 250mcg	Hít qua đường miệng	Thuốc phun mù định liều hệ hỗn dịch	1, BDG	Túi/Bình/Chai /Lọ/Ổng	100
93	Montelukast	10mg	Uống	Viên nén bao phim	4	Viên	11,100
94	Moxifloxacin	5 mg/ml, 0,4 ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	4	Túi/Bình/Chai /Lọ/Ổng	2,000
95	Natri Clorid	0,9%- 500ml	Tiêm truyền	Dung dịch tiêm truyền	4	Túi/Bình/Chai /Lọ/Ổng	20,000
96	Natri clorid	0,9g/100ml, 250ml	Tiêm truyền	Dung dịch tiêm truyền	4	Túi/Bình/Chai /Lọ/Ổng	1,350
97	Natri clorid;Natri lactat;Kali clorid;Calci clorid dihydrat	( 3g; 1,55g; 0,15g; 0,1g)/500ml, 500ml	Tiêm truyền	Dung dịch tiêm truyền	4	Túi/Bình/Chai /Lọ/Ổng	10,000
98	Natri Valproate, Acid Valproic	333 mg + 145 mg	Uống	Viên nén bao phim phóng thích kéo dài	1, BDG	Viên	900
99	Nicardipin hydrochlorid	10mg/10ml	Tiêm truyền	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	1	Túi/Bình/Chai /Lọ/Ổng	200
100	Nicorandil	5mg	Uống	Viên nang cứng	4	Viên	24,000
101	Nifedipin	30mg	Uống	Viên nén phóng thích kéo dài	1, BDG	Viên	600
102	Nitroglycerin (dưới dạng Nitroglycerin 5% trong Propylen glycol)	5mg/5ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	4	Túi/Bình/Chai /Lọ/Ổng	130
103	Nước cất pha tiêm	500ml	Tiêm	Dung môi pha tiêm	4	Túi/Bình/Chai /Lọ/Ổng	4,800
104	Nước để pha thuốc tiêm	10ml	Tiêm	Dung môi pha tiêm	4	Túi/Bình/Chai /Lọ/Ổng	70,000
105	Nystatin + Neomycin sulfat + Polymycin B sulfat	100.000UI + 35.000UI + 35.000UI	Đặt âm đạo	Viên nang mềm	4	Viên	900
106	Ofloxacin	15mg/ 5ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	4	Túi/Bình/Chai /Lọ/Ổng	800

Stt	Hoạt chất	Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Phân nhóm kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
107	Perindopril (dưới dạng Perindopril Arginine 5mg) 3,395mg; Indapamide 1,25mg; Amlodipine (dưới dạng Amlodipine besylate) 5mg;	5mg; 1,25mg; 5mg	Uống	Viên nén bao phim	1	Viên	1,600
108	Perindopril (tương ứng 7mg perindopril arginine) 4,756 mg +Amlodipine (tương ứng với 6,935mg Amlodipine besilate) 5mg	7mg; 5mg	Uống	Viên nén	1	Viên	900
109	Perindopril arginine (tương ứng với 3,395mg perindopril)	5mg	Uống	Viên nén bao phim	1, BDG	Viên	7,800
110	Perindopril arginine 5mg (tương đương 3,395mg perindopril)+ Amlodipine (dưới dạng amlodipin besilate) 5mg	5mg; 5mg	Uống	Viên nén	1	Viên	3,000
111	Pramipexol (dihydrochloride monohydrate)	0,18mg	Uống	Viên nén	2	Viên	2,000
112	Proparacain(hydroclorid)	5mg/ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	1	Túi/Bình/Chai /Lọ/Ống	10
113	Propofol	1% (10mg/ml)	Tiêm hoặc tiêm truyền tĩnh mạch (IV)	Nhũ tương tiêm hoặc tiêm truyền	1	Túi/Bình/Chai /Lọ/Ống	1,700
114	Rivaroxaban	20mg	Uống	Viên nén bao phim	4	Viên	800
115	Rosuvastatin (dưới dạng Rosuvastatin calci)	10mg	Uống	Viên nén bao phim	1, BDG	Viên	7,280
116	Salbutamol (dưới dạng Salbutamol Sulfate)	100mcg/liều xịt	Xịt theo đường miệng	Hỗn dịch xịt qua bình định liều điều áp	1, BDG	Túi/Bình/Chai /Lọ/Ống	100
117	Salbutamol (sulfat)	2,5mg	Hít qua máy khí dung	Dung dịch dùng cho khí dung	4	Túi/Bình/Chai /Lọ/Ống	1,700
118	Salbutamol (sulfat) + ipratropium (bromid)	2,5mg + 0,5mg	Hít qua máy khí dung	Dung dịch dùng cho khí dung	4	Túi/Bình/Chai /Lọ/Ống	6,000
119	Sevoflurane	100% (tt/tt)	Dạng hít	Chất lỏng dễ bay hơi dùng gây mê đường hô hấp	1	Túi/Bình/Chai /Lọ/Ống	10
120	Simethicon	30ml	Uống	Nhũ dịch uống	1	Túi/Bình/Chai /Lọ/Ống	100

Stt	Hoạt chất	Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Phân nhóm kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
121	Sorbitol	5g	Uống	Thuốc bột	4	Gói	10,000
122	Spirolacton	50mg	uống	Viên nén	4	Viên	4,020
123	Telmisartan	40mg	Uống	Viên nén	1, BDG	Viên	1,800
124	Thiamazol	5mg	Uống	Viên nén	4	Viên	4,000
125	Thiamin HCl + Pyridoxin HCl + Cyanocobalamin	100mg + 100mg + 1mg	Tiêm	Dung dịch tiêm	1	Túi/Bình/Chai /Lọ/Ống	1,000
126	Trimebutine maleat	100mg	Uống	Viên nén	4	Viên	16,000
127	Trimetazidin hydroclorid	20mg	Uống	Viên nén bao phim	3	Viên	230,000
128	Trimetazidine dihydrochloride	35mg	Uống	Viên nén bao phim giải phóng có kiểm soát	1, BDG	Viên	7,800
129	Ursodeoxycholic acid	200mg	Uống	Viên nang mềm	4	Viên	3,000
130	Vancomycin	500mg	Tiêm	Bột đông khô pha tiêm	1	Túi/Bình/Chai /Lọ/Ống	70
131	Zopiclon	5mg	Uống	Viên nén	4	Viên	6,000

**Tổng: 131 khoản**



## PHỤ LỤC 2: BÁO GIÁ

(Kèm theo Công văn số 162/TM-YHB ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Viện Y học biển)

TÊN NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



### BÁO GIÁ

Kính gửi: Viện Y học biển

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Viện Y học biển, chúng tôi... [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá như sau:

#### 1. Danh mục hàng hóa báo giá:

TT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ/hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Nhóm TCKT	Hạn dùng (tháng)	GPLH/ GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Giá kê khai	Đơn giá sau VAT (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền	Ghi chú
1																	
2																	
n																	

(Giấy phép đăng ký lưu hành hoặc giấy phép nhập khẩu của thuốc, giấy chứng nhận GDP của công ty)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: 180 ngày (ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày), kể từ ngày công ty báo giá.

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng ....năm 2025

**Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp**

*(Ký tên, đóng dấu (nếu có))*

